

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391 /GDĐT-GDCN&ĐH

Về hướng dẫn sơ kết học kỳ I

GDCN năm học 2016-2017

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2017

*kg: Phương TS - DT lập báo cáo*  
*quy*

TRƯỜNG CĐT LÝ TỰ TRỌNG  
TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp  
thuộc thành phố Hồ Chí Minh

**ĐẾN** Số: 77  
Ngày: 14/02/17

Chuyên: .....

Lưu hồ sơ số: .....

Căn cứ công văn số 4750/BGDĐT-GDCN ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ  
Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 đối với  
giáo dục chuyên nghiệp và nhiệm vụ năm học 2016-2017 của ngành giáo dục chuyên  
nghiệp thành phố;

Để chuẩn bị sơ kết học kỳ I năm học 2016-2017 của Ngành Giáo dục chuyên  
nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các  
trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp thuộc thành phố Hồ Chí Minh  
đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong học kỳ I và phương hướng triển khai nhiệm  
vụ trong học kỳ II (theo mẫu đính kèm).

Báo cáo sơ kết học kỳ I gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo TP Hồ Chí Minh (phòng  
Giáo dục chuyên nghiệp và Đại học) trước ngày 03/3/2017 theo địa chỉ 66-68 Lê  
Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1; gửi kèm bản điện tử theo địa chỉ email  
vctam.sgddt@tphcm.gov.vn.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường quan tâm thực hiện./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VP, GDCN&ĐH.

( đã ký)

**Phạm Ngọc Thanh**

## NỘI DUNG BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016-2017

### A. Đặc điểm tình hình

#### 1. Tổ chức bộ máy

| <i>Chức danh</i>                             | <i>Họ và tên</i> | <i>Nhiệm vụ chuyên môn (đối với CB kiêm nhiệm)</i> | <i>Điện thoại</i> |                  |                |
|----------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------|
|                                              |                  |                                                    | <i>Cơ quan</i>    | <i>Nhà riêng</i> | <i>Di động</i> |
| <i>Chủ tịch HĐQT</i>                         |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Hiệu trưởng</i>                           |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Phó hiệu trưởng phụ trách TCCN</i>        |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Bí thư chi bộ</i>                         |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Chủ tịch công đoàn</i>                    |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Bí thư đoàn thanh niên</i>                |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Trưởng thanh tra nhân dân</i>             |                  |                                                    |                   |                  |                |
| <i>Lãnh đạo phòng đào tạo phụ trách TCCN</i> |                  |                                                    |                   |                  |                |

#### 2. Nêu tóm tắt những thuận lợi, khó khăn.

### B. Kết quả thực hiện các mặt công tác trong học kỳ I:

Căn cứ công văn số 4750/BGDĐT-GDCN ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 đối với giáo dục chuyên nghiệp và nhiệm vụ năm học 2016-2017 của ngành giáo dục chuyên nghiệp thành phố cũng như chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của các Trường chuyên nghiệp nêu tóm tắt những nét chính các mặt hoạt động trong học kỳ I, các biện pháp triển khai thực hiện, đánh giá mức độ đạt được, phân tích nguyên nhân các vấn đề tồn tại, chưa đạt trên những mặt chính sau đây (cần nêu số lượng cụ thể theo các phụ lục đính kèm):

**1. Công tác triển khai và thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Sở Giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh:**

- Công tác xây dựng chiến lược trường định hướng đến năm 2020;
- Thực hiện đổi mới quản lý, phân công giữa Ban Giám hiệu và các phòng ban, khoa trong nhà trường
- Công tác thanh kiểm tra đối với hoạt động đào tạo, kịp thời chấn chỉnh xử lý nghiêm các trường hợp có sai phạm;

**2. Công tác tư tưởng chính trị trong cán bộ, giáo viên, sinh viên, học sinh:**

- Thực hiện các cuộc vận động, chủ trương lớn của ngành nhằm tăng cường giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị;
- Thực hiện Tuần lễ công dân (hình thức, biện pháp triển khai, đối tượng, số lượng tham gia, đánh giá kết quả);
- Công tác phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường; Số buổi tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa cho học sinh sinh viên;

**3. Phát triển quy mô đào tạo và mở rộng ngành nghề:**

- Về công tác tuyển sinh năm học 2016-2017;
- Số ngành mới được phép đào tạo trong học kỳ I;
- Số ngành mới dự kiến mở trong học kỳ II (nếu có);
- Số lượng chứng chỉ ngắn hạn đã cấp cho người lao động;
- Số ngành xác định là ngành trọng điểm theo hướng đào tạo chất lượng cao (nếu có);
- Công tác tuyên truyền, giới thiệu về ngành học và nhà trường đối với xã hội;

**4. Công tác đào tạo:**

- Số lượng các chương trình đào tạo đã được điều chỉnh, xây dựng và thẩm định lại theo Thông tư số 52/2011/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2014/TT- BGDĐT và Thông tư số 16/2010/TT-BGDĐT; Quyết định số 78/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Triển khai công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chương trình đào tạo, số môn học đã có tài liệu hoặc giáo trình;
- Kết quả thực hiện đổi mới phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực của học sinh; đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng là học sinh THCS; đào tạo kỹ năng cho những người chưa tốt nghiệp THPT hoặc những người muốn chuyển đổi việc làm;



- Các hình thức gắn kết với đơn vị sản xuất kinh doanh nhằm đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và khai thác làm cơ sở thực hành, thực tập cho học sinh;
- Việc thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các biện pháp để nâng cao kết quả học tập, rèn luyện, thực tập tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;
- Kết quả rèn luyện của học sinh - so với chỉ tiêu đề ra, đánh giá kết quả (phụ lục 3). Nếu chưa tổng kết cho số dự kiến;
- Kết quả học tập của học sinh - so với chỉ tiêu đề ra, đánh giá kết quả (phụ lục 4). Nếu chưa tổng kết cho số dự kiến;
- Kết quả thi tốt nghiệp - so với chỉ tiêu đề ra, đánh giá kết quả (Phụ lục 5). Nếu chưa tổng kết cho số dự kiến;
- Công tác triển khai tự đánh giá chất lượng nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đánh giá kết quả?

#### **5. Công tác gắn đào tạo với nhu cầu xã hội:**

- Các đơn vị tham gia đào tạo với nhà trường ...đơn vị
- Số lượng các đơn vị sử dụng học sinh của nhà trường sau đào tạo là...;
- Tổ chức các hoạt động trao đổi, học tập kinh nghiệm với các doanh nghiệp kết quả;
- Đánh giá kết quả thực hiện chương trình đào tạo gắn với nhu cầu xã hội;
- Số học sinh ra trường có việc làm đúng với ngành đào.....;

#### **6. Xây dựng, phát triển đội ngũ:**

- Số lượng giáo viên toàn trường, từng ngành đào tạo (cơ hữu, thỉnh giảng so với năm học trước). Tỷ lệ giáo viên/học sinh (chung toàn trường, từng ngành đào tạo);
- Trình độ nghiệp vụ sư phạm của giáo viên (còn bao nhiêu giáo viên chưa có nghiệp vụ sư phạm);
- Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ QLGD, giáo viên trong học kỳ I. Kết quả bồi dưỡng trong học kỳ;
- Tổ chức các hoạt động chuyên đề về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học (ghi rõ nội dung các chuyên đề, số CB, GV tham gia);
- Đánh giá năng lực đội ngũ giáo viên so với qui mô đào tạo hiện có của trường;

#### **7. Công tác xây dựng, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:**



- Kết quả thực hiện trong học kỳ I: các công trình xây dựng và nâng cấp phòng học, xưởng thực hành, thư viện.... Kinh phí đầu tư sửa chữa xây dựng, kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật;

- Sổ cơ sở đặt địa điểm tổ chức đào tạo của trường đã được phép;

- Đánh giá năng lực về điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị so với qui mô đào tạo hiện có của trường;

- Thực hiện việc cam kết xây dựng trường so với đề án thành lập trường (đối với trường tư thục).

#### **8. Công tác tổ chức quản lý:**

- Việc thực hiện các phòng, ban theo điều lệ trường;

- Sắp xếp tổ chức, bộ máy nâng cao hiệu lực quản lý, cải cách hành chính;

- Thực hiện kế hoạch thanh kiểm tra các phòng, khoa, tổ trong học kỳ I (hình thức, biện pháp triển khai, đối tượng, số lượng tham gia, đánh giá kết quả);

- Thực hiện các biểu mẫu quản lý công tác đào tạo (các biểu mẫu thực hiện – khó khăn, đề nghị).

#### **9. Về hợp tác, liên kết đào tạo:**

- Có bao nhiêu cơ sở liên kết đào tạo với trường (ghi cụ thể đơn vị liên kết);

- Sổ cơ sở liên kết được phép tổ chức đào tạo theo đúng qui định tại QĐ 42/2008/BGDĐT;

- Số lượng sinh viên học các lớp giáo dục từ xa tại đơn vị (ghi rõ số lượng theo ngành nghề);

- Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo: Đã có các chương trình hợp tác đào, liên kết đào tạo khác kể cả ở nước ngoài (ghi cụ thể đơn vị, hình thức, nội dung hợp tác, kết quả, khó khăn - đề nghị);.

- Việc phối hợp của nhà trường với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục tổng hợp hướng nghiệp trong đào tạo (nếu có);

- Đánh giá kết quả - khó khăn và kiến nghị.

#### **10. Các hoạt động khác:**

- Phong trào văn thể mỹ;

- Tham gia các hoạt động chung của ngành;

- Công tác tư vấn, hướng nghiệp phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn quận, huyện;

- Xây dựng hoàn chỉnh quy chế dân chủ và các quy chế nội bộ khác.

**C. Đánh giá chung:**

- Những mặt mạnh trong học kỳ I năm học 2016-2017;
- Những mặt tồn tại, yếu kém. Nêu rõ nguyên nhân?;
- Ý kiến đề xuất, kiến nghị của nhà trường đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố; Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**D . Nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ II:**

Căn cứ kết quả hoạt động trong học kỳ I và phương hướng nhiệm vụ năm học theo hướng dẫn chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; nhiệm vụ năm học 2016-2017 của ngành giáo dục chuyên nghiệp thành phố và kế hoạch hoạt động của trường trong năm học, đề nghị nhà trường xác định nhiệm vụ trọng tâm triển khai trong học kỳ II năm học 2016-2017 để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Trên đây là những nội dung hướng dẫn chung, các trường xây dựng báo cáo cho phù hợp với tiến độ đào tạo của đơn vị.



**TÌNH HÌNH TUYỂN SINH CỦA CÁC TRƯỜNG  
CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến ngày 31.12.2016)

| Tên trường             | Chỉ tiêu<br>tuyển sinh |      | Tổng số<br>học sinh<br>đăng ký<br>dự tuyển<br>sinh | Số học sinh trúng tuyển       |                            |          |             |      | Số HS<br>giảm so<br>với đầu<br>năm học |    | Số HS có<br>hộ khẩu<br>thường<br>trú<br>tại TP<br>HCM | Số<br>học<br>sinh<br>nữ | Số HS<br>người<br>dân<br>tộc |
|------------------------|------------------------|------|----------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|----------|-------------|------|----------------------------------------|----|-------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------|
|                        |                        |      |                                                    | vào<br>học<br>năm<br>thứ<br>1 | % so<br>với<br>chỉ<br>tiêu | Trong đó |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
|                        | Tổng<br>CT             | CTNS |                                                    |                               |                            | THPT     | Rớt<br>THPT | THCS | SL                                     | %  |                                                       |                         |                              |
| 1                      | 2                      | 3    | 4                                                  | 5                             | 6                          | 7        | 8           | 9    | 10                                     | 11 | 12                                                    | 13                      | 14                           |
| +Hệ chính qui :        |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| - CD                   |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| - TCCN                 |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| - TCN                  |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| + Hệ vừa làm vừa học : |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| - CD                   |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| - TCCN                 |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| + Liên Kết đào tạo     |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| + Hệ ngắn hạn          |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| + Bồi dưỡng            |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |
| Tổng cộng              |                        |      |                                                    |                               |                            |          |             |      |                                        |    |                                                       |                         |                              |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**THỐNG KÊ SINH VIÊN, HỌC SINH ĐANG THEO HỌC TẠI CÁC  
TRƯỜNG TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến 31/12/2016)

|    |      |             |          |          |          | Hệ vừa làm vừa học |    |          | Liên thông<br>lên ĐH, CĐ | Liên kết<br>đào tạo | Các hệ khác |                    | Số HS<br>có hộ<br>khẩu<br>thường<br>trú<br>tại TP<br>HCM | Số học<br>sinh nữ | Số học<br>sinh<br>người<br>dân tộc | Số học<br>sinh bỏ<br>học |
|----|------|-------------|----------|----------|----------|--------------------|----|----------|--------------------------|---------------------|-------------|--------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|--------------------------|
| CĐ | TCCN |             |          | TC nghề  |          | ĐH                 | CĐ | TC<br>CN |                          |                     | Ngăn<br>hạn | Bồi<br>dưỡng<br>NV |                                                          |                   |                                    |                          |
|    | THPT | Rớt<br>THPT | TH<br>CS | TH<br>PT | TH<br>CS |                    |    |          |                          |                     |             |                    |                                                          |                   |                                    |                          |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**THỐNG KÊ SINH VIÊN, HỌC SINH ĐANG THEO HỌC TẠI CÁC  
TRƯỜNG TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến 31/12/2016)

| Ngành ( chuyên ngành )                      | Mã ngành | Tổng số học sinh | Năm thứ 1   |        | Năm thứ 2   |        | Năm thứ 3   |        |
|---------------------------------------------|----------|------------------|-------------|--------|-------------|--------|-------------|--------|
|                                             |          |                  | Số học sinh | Số lớp | Số học sinh | Số lớp | Số học sinh | Số lớp |
|                                             |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| <b>+ Đào tạo tại trường ( hệ chính quy)</b> |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 1. sư phạm mầm non                          | 42140201 | 50               | 15          | 1      | 35          | 2      |             |        |
| 2. ....                                     |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| <b>+ Đào tạo tại trường ( hệ VLVH)</b>      |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 1. Ngành                                    |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 2. ....                                     |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| <b>+ Đào tạo tại trường ( hệ 1 năm)</b>     |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 1. Ngành                                    |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 2. ....                                     |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| <b>_+ Liên kết đào tạo liên thông hệ ĐH</b> |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 1. Ngành                                    |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 2. ....                                     |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| <b>_+ Liên kết đào tạo liên thông hệ CĐ</b> |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 1. Ngành                                    |          |                  |             |        |             |        |             |        |
| 2. ....                                     |          |                  |             |        |             |        |             |        |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)



**KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN, HỌC SINH HỆ CHÍNH QUY  
CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017  
( Tính đến 31/12/2016)**

| <b>Hệ đào tạo</b> | <b>Xuất sắc</b> |          | <b>Tốt</b> |          | <b>Khá</b> |          | <b>TB khá</b> |          | <b>Trung bình</b> |          | <b>Yếu</b> |          | <b>Kém</b> |          |
|-------------------|-----------------|----------|------------|----------|------------|----------|---------------|----------|-------------------|----------|------------|----------|------------|----------|
|                   | <b>SL</b>       | <b>%</b> | <b>SL</b>  | <b>%</b> | <b>SL</b>  | <b>%</b> | <b>SL</b>     | <b>%</b> | <b>SL</b>         | <b>%</b> | <b>SL</b>  | <b>%</b> | <b>SL</b>  | <b>%</b> |
|                   |                 |          |            |          |            |          |               |          |                   |          |            |          |            |          |
| <b>+ CD</b>       |                 |          |            |          |            |          |               |          |                   |          |            |          |            |          |
| <b>+ TCCN</b>     |                 |          |            |          |            |          |               |          |                   |          |            |          |            |          |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN, HỌC SINH HỆ CHÍNH QUY  
CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**  
( Tính đến 31/12/2016)

| Hệ đào tạo    | Xuất sắc |   | Giỏi |   | Khá |   | TB khá |   | Trung bình |   | Yếu |   | Kém |   |
|---------------|----------|---|------|---|-----|---|--------|---|------------|---|-----|---|-----|---|
|               | SL       | % | SL   | % | SL  | % | SL     | % | SL         | % | SL  | % | SL  | % |
|               |          |   |      |   |     |   |        |   |            |   |     |   |     |   |
| <b>+ CĐ</b>   |          |   |      |   |     |   |        |   |            |   |     |   |     |   |
| <b>+ TCCN</b> |          |   |      |   |     |   |        |   |            |   |     |   |     |   |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN, HỌC SINH  
CỦA CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**  
( Tính đến 31/12/2016)

| Hệ đào tạo | Nhập học | Tốt nghiệp |        | Hiệu xuất đào tạo% | Số lượng học sinh có việc làm | Xuất sắc |   | Giỏi |   | Khá |    | TB khá |    | TB |    |
|------------|----------|------------|--------|--------------------|-------------------------------|----------|---|------|---|-----|----|--------|----|----|----|
|            |          | Dự thi     | Đạt TN |                    |                               | SL       | % | SL   | % | SL  | %  | SL     | %  | SL | %  |
| 1          | 2        | 3          | 4      | 5                  |                               | 6        | 7 | 8    | 9 | 10  | 11 | 12     | 13 | 14 | 15 |
| + C Đ      |          |            |        |                    |                               |          |   |      |   |     |    |        |    |    |    |
| + TCCN     |          |            |        |                    |                               |          |   |      |   |     |    |        |    |    |    |
|            |          |            |        |                    |                               |          |   |      |   |     |    |        |    |    |    |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú : Hiệu xuất đào tạo = số dự thi / nhập học \*100

**TÌNH HÌNH THANH KIỂM TRA CHUYÊN MÔN , THAO GIẢNG  
HỘI THẢO CHUYÊN MÔN, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA  
CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017  
( Tính đến 31/12/2016)**

| Thanh tra<br>chuyên môn |         | Thao<br>giảng |         | Đăng ký<br>dạy tốt |         | Hội thảo<br>chuyên đề |         | Sổ đề tài NC<br>khoa học |        |    |
|-------------------------|---------|---------------|---------|--------------------|---------|-----------------------|---------|--------------------------|--------|----|
| Số GV                   | Số tiết | Số GV         | Số tiết | Số GV              | Số tiết | Số CD                 | Số buổi | Khoa                     | Trường | TP |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |
|                         |         |               |         |                    |         |                       |         |                          |        |    |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)



**THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ  
CỦA CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến 31/12/2016)

|                | Tổng số | Số nữ | Thống kê trình độ chuyên môn |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   | Thống kê Trình độ chính trị |   |    |   |    |   |    |   |
|----------------|---------|-------|------------------------------|---|---------|---|---------|---|---------|---|----------|---|------|---|-----------------------------|---|----|---|----|---|----|---|
|                |         |       | Giáo sư,<br>p.giáo sư        |   | Tiến sĩ |   | Thạc sĩ |   | Đại học |   | Cao đẳng |   | Khác |   | SC                          |   | TC |   | CC |   | CN |   |
|                |         |       | SL                           | % | SL      | % | SL      | % | SL      | % | SL       | % | SL   | % | SL                          | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Ban giám hiệu  |         |       |                              |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   |                             |   |    |   |    |   |    |   |
| Cán bộ quản lý |         |       |                              |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   |                             |   |    |   |    |   |    |   |
| Nhân viên -NV  |         |       |                              |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   |                             |   |    |   |    |   |    |   |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**THỐNG KÊ VỀ TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM, TIN HỌC, NGOẠI NGỮ  
CỦA GIÁO VIÊN, GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 -2017**  
**( Tính đến 31/12/2016)**

|                       | Tổng số | Số nữ | Trình độ sư phạm |   |       |   | Trình độ tin học |   |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    | Trình độ ngoại ngữ |    |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    | Thống kê Trình độ chính trị |    |    |    |    |    |    |    |
|-----------------------|---------|-------|------------------|---|-------|---|------------------|---|----|----|----|----|-----------|----|----------|----|---------|----|--------------------|----|----|----|----|----|-----------|----|----------|----|---------|----|-----------------------------|----|----|----|----|----|----|----|
|                       |         |       | Bậc 1            |   | Bậc 2 |   | A                |   | B  |    | C  |    | Trung cấp |    | Cao đẳng |    | Đại học |    | A                  |    | B  |    | C  |    | Trung cấp |    | Cao đẳng |    | Đại học |    | SC                          |    | TC |    | CC |    | CN |    |
|                       |         |       | SL               | % | SL    | % | SL               | % | SL | %  | SL | %  | SL        | %  | SL       | %  | SL      | %  | SL                 | %  | SL | %  | SL | %  | SL        | %  | SL       | %  | SL      | %  | SL                          | %  | SL | %  | SL | %  |    |    |
| 1                     | 2       | 3     | 4                | 5 | 6     | 7 | 8                | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14        | 15 | 16       | 17 | 18      | 19 | 20                 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26        | 27 | 28       | 29 | 30      | 31 | 32                          | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 |
| Giáo viên cơ hữu      |         |       |                  |   |       |   |                  |   |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    |                    |    |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    |                             |    |    |    |    |    |    |    |
| Giáo viên thỉnh giảng |         |       |                  |   |       |   |                  |   |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    |                    |    |    |    |    |    |           |    |          |    |         |    |                             |    |    |    |    |    |    |    |

**Người lập biểu**  
**( Ghi rõ họ và tên)**  
**Số điện thoại**

**Hiệu Trưởng**  
**( Ký tên và đóng dấu)**

**THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN  
CỦA CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017  
( Tính đến 31/12/2016)**

|                       | Tổng số | Số nữ | Thống kê trình độ giảng viên, giáo viên |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   | Thâm niên giảng dạy |   |                      |   |                       |   |                   |   |
|-----------------------|---------|-------|-----------------------------------------|---|---------|---|---------|---|---------|---|----------|---|------|---|---------------------|---|----------------------|---|-----------------------|---|-------------------|---|
|                       |         |       | Giáo sư,<br>p.giáo sư                   |   | Tiến sĩ |   | Thạc sĩ |   | Đại học |   | Cao đẳng |   | Khác |   | Dưới 5 năm          |   | Từ 5 đến dưới 10 năm |   | Từ 10 đến dưới 20 năm |   | Từ 20 năm trở lên |   |
|                       |         |       | SL                                      | % | SL      | % | SL      | % | SL      | % | SL       | % | SL   | % | SL                  | % | SL                   | % | SL                    | % | SL                | % |
| Giáo viên cơ hữu      |         |       |                                         |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   |                     |   |                      |   |                       |   |                   |   |
| Giáo viên thỉnh giảng |         |       |                                         |   |         |   |         |   |         |   |          |   |      |   |                     |   |                      |   |                       |   |                   |   |

**Người lập biểu**  
**( Ghi rõ họ và tên)**  
**Số điện thoại**

**Hiệu Trưởng**  
**( Ký tên và đóng dấu)**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP  
TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến ngày 31.12.2016)

Đơn vị M2

| Tổng diện tích<br>đất đai | Diện tích<br>xây dựng | Số cơ sở<br>đào tạo | Giảng<br>đường |    | phòng<br>học |    | thư<br>viện |    | phòng thí<br>nghiệm |    | vườn thí<br>nghiệm | xưởng thực tập,<br>thực hành |    | Ký<br>túc xá | Hội<br>trường | Nhà<br>TDTT | Diện tích<br>khác |
|---------------------------|-----------------------|---------------------|----------------|----|--------------|----|-------------|----|---------------------|----|--------------------|------------------------------|----|--------------|---------------|-------------|-------------------|
|                           |                       |                     | Số<br>Lượng    | M2 | Số<br>Lượng  | M2 | Số<br>Lượng | M2 | Số<br>Lượng         | M2 | M2                 | Số<br>Lượng                  | M2 | M2           | M2            | M2          | M2                |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |
|                           |                       |                     |                |    |              |    |             |    |                     |    |                    |                              |    |              |               |             |                   |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÁC TRƯỜNG  
CHUYÊN NGHIỆP TRONG TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016 - 2017**

( Tính đến ngày 31.12.2016)

**Đơn vị tính : triệu đồng**

| Kinh phí phát triển cơ sở vật chất |          |       |       |      | Trong đó                    |        |       |          |      |                                    |                    |          |      |
|------------------------------------|----------|-------|-------|------|-----------------------------|--------|-------|----------|------|------------------------------------|--------------------|----------|------|
| Tổng cộng                          | Trong đó |       |       |      | Kinh phí sửa chữa , xây mới |        |       |          |      | KP mua sắm trang thiết bị kỹ thuật |                    |          |      |
|                                    | N. sách  | Tự có | D. án | Khác | P. làm việc                 | P. học | Xưởng | Thư viện | Khác | Phục vụ công tác QL                | Phục vụ dạy và học | Thư viện | Khác |
| 1                                  | 2        | 3     | 4     | 5    | 6                           | 7      | 8     | 9        | 10   | 11                                 | 12                 | 13       | 14   |
|                                    |          |       |       |      |                             |        |       |          |      |                                    |                    |          |      |
|                                    |          |       |       |      |                             |        |       |          |      |                                    |                    |          |      |
|                                    |          |       |       |      |                             |        |       |          |      |                                    |                    |          |      |

**Người lập biểu**  
( Ghi rõ họ và tên)  
Số điện thoại

**Hiệu Trưởng**  
( Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú : 1=2+3+4+5=6+7+8+9+10+11+12+13+14**